

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2021/HNGĐ-ST

Ngày 21-7-2021

V/v: Ly hôn, con chung giữa
chị H và anh Đ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hóa;

Bà Phạm Thị Hồng Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 21 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1996; địa chỉ: Xóm A, xã H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1993; địa chỉ: Xóm A, xã H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(chị H vắng mặt có lý do, anh Đ vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 25-01-2021 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn chị Trần Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu H và anh Lê Văn Đ đăng ký kết hôn ngày 26-01-2016 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng với mẹ anh Đ tại xóm A, xã H. Vợ chồng sống không được hòa thuận, hạnh phúc và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ

không tu chí làm ăn lo cho gia đình, tính cách trẻ con hay gây mâu thuẫn trong gia đình. Từ đó, vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích, trong cuộc sống hàng ngày không có tiếng nói chung nên vợ chồng hay xảy ra cãi nhau. Chị H đã cho anh Đ nhiều cơ hội thay đổi tính cách nhưng anh Đ không thay đổi nên từ đầu năm 2021, chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị H nhận thấy tình cảm của chị đối với anh Đ không còn nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Lê Ngọc M, sinh ngày 06-8-2016 và Lê Đăng K, sinh ngày 24-02-2019. Hiện nay cháu M đang ở cùng anh Đ, cháu K đang ở cùng chị H. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng tiếp tục nhận nuôi cháu K và để anh Đ nuôi cháu M, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản và nghĩa vụ tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 11-5-2021 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Lê Văn Đ có lời khai phù hợp với lời khai của chị H về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời gian sống ly thân. Theo anh Đ thì vợ chồng sống hòa thuận đến cuối năm 2020 có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng cũng có lúc xảy ra xích mích, va chạm tính cách anh Đ cũng chưa thật sự nghiêm túc nên thường làm chị H giận dữ. Từ đó chị H không muốn chung sống với anh Đ nữa và bỏ về nhà ngoại ở từ đầu năm 2021 cho đến nay. Từ khi vợ chồng sống ly thân, anh Đ và gia đình cũng đã nhiều lần động viên hòa giải để chị H suy nghĩ lại về đoàn tụ gia đình, cùng nhau nuôi dạy các con nhưng chị H không nhất trí. Nay chị H làm đơn xin ly hôn, anh Đ không nhất trí ly hôn vì anh nhận thấy vợ chồng anh chưa thực sự mâu thuẫn căng thẳng, anh vẫn còn tình cảm với chị H nên muốn đoàn tụ.

Về con chung: Anh Đ thống nhất với lời khai của chị H vợ chồng có hai con chung như chị H trình bày. Tuy anh Đ không nhất trí ly hôn nhưng trường hợp chị H nhất quyết xin ly hôn, Tòa án xử cho ly hôn thì anh có nguyện vọng nhận nuôi cháu Lê Ngọc M và để chị H nuôi cháu Lê Đăng K, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

Về tài sản và nghĩa vụ tài sản: Anh Đ có lời khai thống nhất với lời khai của chị H nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị Trần Thị Thu H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; anh Lê Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, Hội

đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H, anh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Thu H và anh Lê Văn Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 26-01-2016. Vợ chồng sống không hòa thuận thường xảy ra mâu thuẫn, xích mích trong cuộc sống hàng ngày. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, anh Đ tính tình trẻ con, không nghiêm túc mỗi khi vợ chồng xảy ra tranh cãi nên thường làm chị H tức giận làm mâu thuẫn vợ chồng càng căng thẳng. Từ đầu năm 2021, chị H đã bỏ về nhà ngoại ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Do đó, chị H xác định tình cảm với anh Đ không còn nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh Đ.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H thì thấy: Mặc dù anh Đ không đồng ý ly hôn nhưng xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Đ và chị H xuất phát từ tính cách, quan điểm sống của hai người không hợp nhau nên thường xảy ra va chạm, tranh cãi trong cuộc sống hàng ngày. Từ đó, dẫn đến việc chị H đã bỏ về nhà ngoại ở từ đầu năm 2021, hai người đã sống ly thân và chấm dứt mọi tình cảm, trách nhiệm đối với nhau từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân, bản thân chị H, anh Đ đều không có biện pháp, hành động thiết thực nhằm hàn gắn tình cảm nên vợ chồng ngày càng xa cách. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị H đối với anh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung*: Vợ chồng có hai con chung là Lê Ngọc M, sinh ngày 06-8-2016 và Lê Đăng K, sinh ngày 24-02-2019. Anh Đ tuy không nhất trí ly hôn nhưng trường hợp tòa xử cho ly hôn thì anh Đ, chị H đều thống nhất chị H nhận nuôi cháu K, anh Đ nhận nuôi cháu M, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Xét điều kiện hoàn cảnh hiện nay và nguyện vọng của hai bên thì thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, anh Đ trực tiếp nuôi cháu M, chị H trực tiếp nuôi cháu K. Như vậy, cả chị H và anh Đ đều có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc đối với các con. Chị H đi làm công ty, anh Đ làm tự do nhưng anh chị đều xác nhận có thu nhập. Nay hai bên đều thống nhất mỗi người nuôi một con là công bằng về quyền lợi, nghĩa vụ đối với con. Vì vậy, cần giao cháu Lê Ngọc M cho anh Đ, giao cháu Lê Đăng K cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và được quyền thăm con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Về tài sản và nghĩa vụ tài sản*: Chị H và anh Đ xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Trần Thị Thu H phải nộp tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Thu H và anh Lê Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Ngọc M, sinh ngày 06-8-2016 cho anh Lê Văn Đ và giao cháu Lê Đăng K, sinh ngày 24-02-2019 cho chị Trần Thị Thu H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các con chung thành niên, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Chị H, anh Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau và được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con chung.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Trần Thị Thu H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0002616 ngày 11-5-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thúy Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hóa Phạm Thị Hồng Nguyên

Phạm Thúy Nga

